SỞ Y TẾ THỪA THIÊN HUẾ
BỆNH VIỆN TÂM THẦN HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 99 /TB-BVTTH

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 03 năm 2020.

THÔNG BÁO
Về việc Điều chỉnh giá viện phí mới theo Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND.

Căn cứ Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND, ngày 06/02/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Quy định mức giá dịch vụ Khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế khám chữa bệnh công lập thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Bệnh viện Tâm thần Huế thông báo đến các cán bộ, viên chức, nhân viên bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân một số nội dung sau:

1. Đối với bệnh nhân có thẻ Bảo hiểm y tế:

Tiếp tục thực hiện giá thanh toán giá viện phí theo Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/07/2019 của Bộ Y tế được áp dụng từ ngày 20/08/2019 *(Theo Thông báo số 167/TB-BVTTH, ngày 14 tháng 08 năm 2019)* ***(Đính kèm Phụ lục I)***

2. Đối với bệnh nhân không có Bảo hiểm y tế:

Thực hiện thu giá viện phí theo mức quy định tại Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND. ***(Theo Phụ lục II đính kèm)***

3. Thời gian áp dụng giá viện phí mới: Từ 00 giờ 00 phút, ngày 15/03/2020.

➢ ***Lưu ý:***

- Đối với những bệnh nhân đang nằm điều trị nội trú tại bệnh viện nhập viện trước 00 giờ 00 phút ngày 15/03/2020 thì tiếp tục được áp dụng mức giá viện phí cũ trước đây (Theo Quyết định số 74/2017/QĐ-UBND) cho đến khi ra viện.

- Đối với những bệnh nhân đến khám ngoại trú hoặc nhập viện điều trị nội trú sau 00 giờ 00 phút, ngày 15/03/2020 thì áp dụng mức giá viện phí mới này (Theo Nghị quyết 01/2020/NQ-HĐND).

Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, Giám đốc yêu cầu các khoa/phòng, viên chức bệnh viện tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, không tự điều chỉnh mức thu hoặc yêu cầu người bệnh đóng thêm khoản viện phí nào ngoài quy định./.

Nơi nhận:
- Các khoa, phòng (th/hiện);
- Công khai tại các bảng tin ở các Khoa;
- Tin nội bộ;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
BỆNH VIỆN TÂM THẦN HUẾ

Th.S.BS. Bùi Minh Bảo

DANH MỤC VÀ MỨC THU VIỆN PHÍ TẠI BỆNH VIỆN TÂM THẦN HUẾ

Phụ lục I

Dành cho đối tượng có Bảo hiểm y tế, áp dụng từ ngày 20/08/2019 theo Thông tư số 13/2019/TT-BYT

(Đính kèm Thông báo số: 99 /TB-BVTTH, ngày 13 /08/2019 của Bệnh viện Tâm thần Huế)

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	Mức giá
	I. Tiền khám - Tiền giường - Hồi sức cấp cứu CĐ	
1	Tiền khám bệnh	34.500
2	Tiền ngày giường nội trú tâm thần	178.100
3	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	459.000
4	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	216.000
5	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	49.900
6	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	479.000
	II. Nội khoa	
7	Đặt ống thông ống dạ dày	90.100
8	Đặt sonde bàng quang	90.100
9	Thụt tháo phân	82.100
	III. Nhi khoa	
10	Trắc nghiệm tâm lý Beck (TE)	19.900
11	Trắc nghiệm tâm lý Zung (TE)	19.900
12	Trắc nghiệm tâm lý Raven (TE)	24.900
13	Khâu viết thương phần mềm vùng đầu cổ	178.000
14	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	377.000
15	Test nội bì	389.000
16	Tiêm tĩnh mạch (chỉ áp dụng cho đối tượng Ngoại	11.400
17	Tiêm dưới da (chỉ áp dụng cho đối tượng Ngoại trú)	11.400
18	Tiêm bắp thịt (chỉ áp dụng cho đối tượng Ngoại trú)	11.400
19	Tiêm trong da (chỉ áp dụng cho đối tượng Ngoại trú)	11.400
20	Truyền tĩnh mạch (chỉ áp dụng cho ĐT Ngoại trú)	21.400
	IV. Xét nghiệm - Huyết học - Hóa sinh - Vi sinh	
21	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	12.600
22	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	14.900
23	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	40.400
24	Cặn Addis	43.100
25	Định lượng Acid Uric [máu]	21.500
26	Định lượng Albumin [Máu]	21.500
27	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	21.500
28	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	21.500
29	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	21.500
30	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	26.900
31	Định lượng Creatinin [máu]	21.500
32	Định lượng Glucose [máu]	21.500
33	Đo hoạt độ GGT [Máu]	19.200
34	Định lượng HDL-C [Máu]	26.900
35	Định lượng LDL - C [Máu]	26.900
36	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	21.500
37	Định lượng Triglycerid [Máu]	26.900
38	Định lượng Urê [Máu]	21.500
39	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	27.400
40	Định lượng Axit Uric [Niệu]	16.100
41	Định lượng Creatinin [Niệu]	16.100
42	Định lượng Glucose [Niệu]	13.900
43	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [Niệu]	43.100
44	Định tính Opiate (test nhanh) [Niệu]	43.100
45	Định tính Morphin (test nhanh) [Niệu]	43.100
46	Định tính Codein (test nhanh) [Niệu]	43.100
47	Định lượng Protein [Niệu]	13.900
48	Định lượng Urê [Niệu]	16.100
49	HBsAg test nhanh	53.600
50	HIV Ab test nhanh	53.600
51	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	38.200
52	Đơn bào đường ruột soi tươi	41.700
53	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	41.700
54	Trứng giun, sán soi tươi	41.700
55	Trứng giun soi tập trung	41.700
	V. Phục hồi chức năng	
56	Tập sửa lỗi phát âm	106.000
57	Tập cho người thất ngôn	106.000
58	Tập giao tiếp (ngôn ngữ,ký hiệu..)	59.500
	VI. Tâm thần	
59	Thang đánh giá trầm cảm Beck (BDI)	19.900
60	Thang đánh giá trầm cảm Hamilton	19.900
61	Thang đánh giá trầm cảm ở cộng đồng (PHQ-9)	29.900
62	Thang đánh giá trầm cảm ở người già (GDS)	29.900
63	Thang đánh giá trầm cảm sau sinh (EPDS)	29.900
64	Thang đánh giá lo âu - trầm cảm - stress (DASS)	29.900
65	Thanh đánh giá hưng cảm Young	29.900
66	Thang đánh giá lo âu - Zung	19.900
67	Thang đánh giá lo âu - Hamilton	19.900
68	Thanh đánh giá sự phát triển ở trẻ em (DENVER II)	34.900
69	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)	34.900
70	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)	34.900
71	Thang đánh giá tâm thần rút gọn (BPRS)	29.900
72	Thang đánh giá trạng thái tâm thần tối thiểu (MMSE)	34.900
73	Trắc nghiệm RAVEN	24.900
74	Thang đánh giá nhân cách (MMPI)	29.900
75	Trắc nghiệm rối loạn giấc ngủ (PSQI)	19.900
76	Thang Vanderbilt	19.900
77	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	43.100
	VII. Điện quang - Thăm dò chức năng	
78	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	43.900
79	Đo điện não vi tính.	64.300
80	Đo lưu huyết não	43.400
81	Điện tim thường	32.800
	Tổng cộng: 81 Dịch vụ kỹ thuật	

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
BỆNH VIỆN TÂM THẦN HUẾ

ThS.BS. Bùi Minh Bảo

DANH MỤC VÀ MỨC THU VIỆN PHÍ TẠI BỆNH VIỆN TÂM THẦN HUẾ

Phụ lục II

(Dành cho đối tượng không có Bảo hiểm y tế, áp dụng từ ngày 15/03/2020 theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-UBND)

(Đính kèm Thông báo số: 99 /TB-BVTTH, ngày 13 /03/2020 của Bệnh viện Tâm thần Huế)

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	Mức giá
	I. Tiền khám - Tiền giường - Hồi sức cấp cứu CĐ	
1	Tiền khám bệnh	34.500
2	Tiền ngày giường nội trú tâm thần	178.100
3	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	459.000
4	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	216.000
5	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	49.900
6	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	479.000
	II. Nội khoa	
7	Đặt ống thông ống dạ dày	90.100
8	Đặt sonde bàng quang	90.100
9	Thụt tháo phân	82.100
	III. Nhi khoa	
10	Trắc nghiệm tâm lý Beck (TE)	19.900
11	Trắc nghiệm tâm lý Zung (TE)	19.900
12	Trắc nghiệm tâm lý Raven (TE)	24.900
13	Khâu viết thương phần mềm vùng đầu cổ	178.000
14	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	377.000
15	Test nội bì	389.000
16	Tiêm tĩnh mạch (áp dụng cho đối tượng Ngoại trú)	11.400
17	Tiêm dưới da (áp dụng cho đối tượng Ngoại trú)	11.400
18	Tiêm bắp thịt (áp dụng cho đối tượng Ngoại trú)	11.400
19	Tiêm trong da (áp dụng cho đối tượng Ngoại trú)	11.400
20	Truyền tĩnh mạch (chỉ áp dụng cho ĐT Ngoại trú)	21.400
	IV. Xét nghiệm - Huyết học - Hóa sinh - Vi sinh	
21	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	12.600
22	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	14.900
23	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	40.400
24	Cặn Addis	43.100
25	Định lượng Acid Uric [máu]	21.500
26	Định lượng Albumin [Máu]	21.500
27	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	21.500
28	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	21.500
29	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	21.500
30	Định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	26.900
31	Định lượng Creatinin [máu]	21.500
32	Định lượng Glucose [máu]	21.500
33	Đo hoạt độ GGT [Máu]	19.200
34	Định lượng HDL-C [Máu]	26.900
35	Định lượng LDL - C [Máu]	26.900
36	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	21.500
37	Định lượng Triglycerid [Máu]	26.900
38	Định lượng Urê [Máu]	21.500
39	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	27.400
40	Định lượng Axit Uric [Niệu]	16.100
41	Định lượng Creatinin [Niệu]	16.100
42	Định lượng Glucose [Niệu]	13.900
43	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [Niệu]	43.100
44	Định tính Opiate (test nhanh) [Niệu]	43.100
45	Định tính Morphin (test nhanh) [Niệu]	43.100
46	Định tính Codein (test nhanh) [Niệu]	43.100
47	Định lượng Protein [Niệu]	13.900
48	Định lượng Urê [Niệu]	16.100
49	HBsAg test nhanh	53.600
50	HIV Ab test nhanh	53.600
51	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	38.200
52	Đơn bào đường ruột soi tươi	41.700
53	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	41.700
54	Trứng giun, sán soi tươi	41.700
55	Trứng giun soi tập trung	41.700
	V. Phục hồi chức năng	
56	Sửa lỗi phát âm	106.000
57	Tập cho người thất ngôn	106.000
58	Tập giao tiếp (ngôn ngữ,ký hiệu..)	59.500
	VI. Tâm thần	
59	Thang đánh giá trầm cảm Beck (BDI)	19.900
60	Thang đánh giá trầm cảm Hamilton	19.900
61	Thang đánh giá trầm cảm ở cộng đồng (PHQ-9)	29.900
62	Thang đánh giá trầm cảm ở người già (GDS)	29.900
63	Thang đánh giá trầm cảm sau sinh (EPDS)	29.900
64	Thang đánh giá lo âu - trầm cảm - stress (DASS)	29.900
65	Thanh đánh giá hưng cảm Young	29.900
66	Thang đánh giá lo âu - Zung	19.900
67	Thang đánh giá lo âu - Hamilton	19.900
68	Thanh đánh giá sự phát triển ở trẻ em (DENVER II)	34.900
69	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)	34.900
70	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)	34.900
71	Thang đánh giá tâm thần rút gọn (BPRS)	29.900
72	Thang đánh giá trạng thái tâm thần tối thiểu (MMSE)	34.900
73	Trắc nghiệm RAVEN	24.900
74	Thang đánh giá nhân cách (MMPI)	29.900
75	Trắc nghiệm rối loạn giấc ngủ (PSQI)	19.900
76	Thang Vanderbilt	19.900
77	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	43.100
	VII. Điện quang - Thăm dò chức năng	
78	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	43.900
79	Đo điện não vi tính.	64.300
80	Đo lưu huyết não	43.400
81	Điện tim thường	32.800
	Tổng cộng: 81 Dịch vụ kỹ thuật	

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
BỆNH VIỆN TÂM THẦN HUẾ

ThS.BS. Bùi Minh Bảo